

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/DS-PT

Ngày: 16 - 01 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Thanh Tùng.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 11 và 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 301/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 3, ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lương Hoàng P, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Võ Hoàng A, là Luật sư của Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Số 6, đường V, Khóm B, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Lương Hoàng P là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H đã cho bị đơn ông Lương Hoàng P vay tiền cụ thể các đợt như sau: Ngày 03/12/2020, bà cho ông P vay số tiền 500.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận; ngày 11/12/2020, bà tiếp tục cho ông P vay thêm số tiền 3.200.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận; ngày 06/02/2021, bà cho ông P vay số tiền 2.500.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận và đến ngày 09/3/2021, ông P đến gặp bà hỏi vay thêm tiền và bà đồng ý cho ông P vay số tiền 5.000.000.000 đồng.

Trong 04 lần vay trên bà và ông P thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, ông P có hứa trong một tháng sẽ trả cho bà đầy đủ cả gốc và lãi đối với 04 khoản vay trên tổng cộng là 11.200.000.000 đồng.

Nhưng từ ngày vay đến nay thì ông P không thực hiện việc trả tiền vốn và tiền lãi cho bà như thỏa thuận, bà có đến gặp ông P nhiều lần để yêu cầu trả số tiền trên nhưng đến nay ông P vẫn chưa thực hiện trả số nợ trên cho bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P trả tiền vốn vay của 04 lần vay tổng cộng là 11.200.000.000 đồng và tiền lãi như sau:

+ Khoản vay ngày 03/12/2020 đến ngày xét xử là ngày 11/8/2023: 500.000.000 đồng x 02 năm 08 tháng 08 ngày x 1,66% = 267.813.000 đồng.

+ Khoản vay ngày 11/12/2020 đến ngày xét xử là ngày 11/8/2023: 3.200.000.000 đồng x 02 năm 08 tháng x 1,66% = 1.699.840.000 đồng.

+ Khoản vay ngày 06/02/2021 đến ngày xét xử là ngày 11/8/2023: 2.500.000.000 đồng x 02 năm 06 tháng 05 ngày x 1,66% = 1.251.916.000 đồng.

+ Khoản vay ngày 09/3/2021 đến ngày xét xử là ngày 11/8/2023: 5.000.000.000 đồng x 02 năm 05 tháng 02 ngày x 1,66% = 2.412.553.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi ông P có nghĩa vụ trả cho bà là 11.200.000.000 đồng (tiền vốn) + 5.632.122.000 đồng (tiền lãi) = 16.832.122.000 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lương Hoàng P trình bày:

Đối với biên nhận 500.000.000 đồng vay ngày 03/12/2020 là đã tính nhập vào phần biên nhận 3.200.000.000 đồng ngày 11/12/2020 và khi viết biên nhận số tiền 3.200.000.000 đồng ông có yêu cầu bà H đưa lại biên nhận này nhưng bà H chỉ hứa mà không đưa. Khi ông chuyển nhượng phần đất cho bà H với giá 3.500.000.000 đồng cũng đã căn trừ vào tiền tiền 3.200.000.000 đồng, nên đối với hai khoản nợ này ông đã trả xong cho bà H.

Đối với biên nhận 2.500.000.000 đồng ngày 06/02/2021, ông thừa nhận có vay tiền của bà H để xử lý công việc, nhưng bà H tính tiền lãi vay với lãi suất 1 ngày là 6.000 đồng/1.000.000 đồng, do ông không đem tiền nên tiếp tục hỏi thêm 500.000.000 đồng và sau khi trừ lãi ông thực nhận là 300.000.000 đồng. Lúc này ông viết giấy nhận nợ tổng cộng 3.000.000.000 đồng, ông có yêu cầu bà H trả lại giấy nợ cũ 2.500.000.000 đồng trước đó, nhưng bà H nói không có cầm theo và hẹn

sẽ đưa lại sau. Ông cho rằng giấy nhận nợ 3.000.000.000 đồng nhưng trong hồ sơ không thể hiện có biên nhận này.

Đối với giấy hỏi tiền đề ngày 09/3/2021, có nội dung: “Tôi Lương Hoàng P nay tôi có mượn tiền của chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 5.000.000.000 đồng” và có ký tên người hỏi: Lương Hoàng P, ông thừa nhận là có viết giấy nợ. Tuy nhiên, ông đã chuyển nhượng 03 lô đất ở Long Hưng cho bà H với giá 3.600.000.000 đồng và đã trừ tiền nên chỉ còn thiếu bà H 1.400.000.000 đồng.

Đồng thời, ông có góp vốn chuyển nhượng đất cùng với bà H và ông T và có nhờ ông T trả cho bà H 1.000.000.000 đồng, nên chỉ còn nợ bà H số tiền 400.000.000 đồng. Cho nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu bị đơn ông Lương Hoàng P trả nợ vay. Buộc ông Lương Hoàng P trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền vốn vay là 11.200.000.000 đồng (Mười một tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 5.632.122.000 đồng (Năm tỷ sáu trăm ba mươi hai triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 16.832.122.000 đồng (Mười sáu tỷ tám trăm ba mươi hai triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Thu H thì hàng tháng ông Lương Hoàng P còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/8/2023, bị đơn ông P có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng và được TAND thị xã Ngã Năm nhận cùng ngày. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà H không rút đơn khởi kiện và cho rằng bà có nhà ở trong xã Vĩnh Quới và nhà ở Phường 1, thị xã Ngã Năm (quán nhậu); kháng cáo của bị đơn là không đúng, vì đất là do bà nhận chuyển nhượng của ông P, nhận chuyển nhượng 02 thửa số 30 và 655, tọa lạc ấp Phương Thạnh 2, xã Hưng Phú với giá 3 tỷ 500 triệu đồng, bà trừ nợ ông P 1 tỷ đồng và trả tiền mặt cho ông P 2 tỷ 500 triệu đồng, không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến; ngoài ra, bà có nhận chuyển nhượng của ông P 03 thửa đất số 1052, 1056 và 1057,

tọa lạc tại ấp Tân Thành, xã Long Hưng với giá 1 tỷ 600 triệu đồng, trả tiền mặt cho ông P, không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến; 05 thửa đất này bà đã chuyển nhượng cho ông Y với giá 6 tỷ 700 triệu đồng (02 thửa số 30 và 655 với giá 4 tỷ 200 triệu đồng; 03 thửa còn lại với giá 2 tỷ 500 triệu đồng). Việc làm hợp đồng chuyển nhượng đối với 03 thửa đất 1052, 1056 và 1057 với giá 1 tỷ 50 triệu đồng là để làm thủ tục tách giấy, còn việc làm hợp đồng 03 thửa đất này với giá 4 tỷ 100 triệu đồng là để bà vay tiền Ngân hàng và bà có thể chấp vay tiền Ngân hàng. Đối với ông U

và ông T có tranh chấp với bà. Bị đơn ông P thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo và cho rằng: Trước đây, ông T có giới thiệu ông vay tiền của bà H, lần đầu ông vay 500 triệu đồng, khoảng một tuần sau ông có vay thêm 2 tỷ 700 triệu đồng, cộng lại là 3 tỷ 200 triệu đồng và làm giấy vay tiền 3 tỷ 200 triệu đồng và ông có yêu cầu bà H trả lại giấy vay tiền 500 triệu đồng, nhưng bà H nói để quên trong nhà và nói vài ngày sau gửi lại, nhưng không gửi lại. Do bà H tính lãi cao, 6.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, nên khoảng 10 ngày sau ông có kêu bà H bán miếng đất ở xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú cho bà H với số tiền 3 tỷ 500 triệu đồng để trừ số tiền 3 tỷ 200 triệu đồng và ông có kêu bà H trả lại 02 giấy vay tiền trước, nhưng bà H cứ hẹn mà không trả cho ông. Khoảng đầu tháng 02/2021, ông có vay của bà H số tiền 2 tỷ 500 triệu đồng, do tính lãi cao như trên, nên ông vay thêm của bà H số 500 triệu đồng, một lần 1 tỷ đồng và một lần 1 tỷ đồng (các lần vay thêm này chủ yếu để đóng lãi cho bà H); tổng cộng ông nợ bà H là 5 tỷ đồng; ông có kêu bà H trả lại giấy vay tiền 2 tỷ 500 triệu đồng, nhưng bà H cứ hẹn mà không trả cho ông. Do lãi cao, ông không còn khả năng đóng lãi nên ông đã chuyển nhượng cho bà H 03 thửa đất ở xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú để trừ số tiền 3 tỷ 600 triệu đồng. Ngoài ra, đối với phần đất bà H hùng chuyển nhượng với ông Nguyễn Văn T và chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc Y 4 tỷ 200 triệu đồng vào cuối năm 2021, bà H cho rằng ông có hùn với ông T nên sau khi trừ chi phí 200 triệu đồng, bà H trừ nợ ông số tiền 1 tỷ đồng và hứa trả ông T 1 tỷ đồng, ông T cũng đồng ý nên ông chỉ còn nợ bà H số tiền 400 triệu đồng và tiền lãi của số tiền này. Do đó, ông đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H và ông có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền còn thiếu là 400 triệu đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Việc làm hợp đồng chuyển nhượng đối với 03 thửa đất 1052, 1056 và 1057 với giá 1 tỷ 50 triệu là để làm thủ tục tách giấy, còn việc làm hợp đồng 03 thửa đất này với giá 4 tỷ 100 triệu đồng là để bà H vay tiền Ngân hàng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông P cho rằng: Bà H cung cấp 04 biên nhận tổng số tiền vay là 11.200.000.000 đồng là không đúng và bà H cho rằng lãi suất cho vay là 2%/tháng cũng không đúng, không thể cho vay liên tục mà không trả tiền lãi, thông qua 06 đoạn băng ghi âm cũng như qua lời khai của 05 người làm chứng do Tòa án đã thu thập xác định ông P trả lãi cho bà H đầy đủ từng lần vay, ông P vay thêm trả lãi và làm biên nhận mới, nhưng bà H không trả lại biên nhận cũ. Sau đó, do lãi cao ông P giao bà H 02 thửa đất số 30 và 655 để căn trừ số tiền vay 3 tỷ 200 triệu đồng theo biên nhận vay tiền ngày 11/12/2020. Trả nợ xong một thời gian sau, ông P vay của bà H số tiền 2 tỷ 500 triệu đồng, do không có tiền đóng lãi nên ông P vay thêm của bà H số tiền 500

triệu đồng để trả lãi, sau đó tiếp tục vay thêm 1 tỷ để trả lãi cho bà H số tiền 377 triệu 200 nghìn đồng và sau đó vay thêm 1 tỷ đồng để đóng lãi cho bà H số tiền 477 triệu 360 nghìn đồng, ông P có chụp lại 02 giấy tính lãi của bà H, nên mới làm biên nhận nợ sau cùng là 5 tỷ đồng, ông P thấy lãi cao và hết khả năng đóng lãi nên mới chuyển nhượng cho bà H 03 thửa đất số 1052, 1056 và 1057 để trừ số tiền vay 3 tỷ 600 triệu đồng, sau đó bà H tiếp tục cấp trừ 1 tỷ đồng tiền ông T hùn chuyển nhượng đất với bà H và chuyển nhượng lại cho ông Y, nên ông P còn thiếu lại bà H số tiền vốn vay 400 triệu đồng và tiền lãi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông P (sau khi thay đổi) và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông P có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vốn còn thiếu là 400 triệu đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông P và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H và buộc ông P có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H, bị đơn ông Lương Hoàng P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đều có mặt; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn ông P là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Việc thay đổi một phần kháng cáo: Khi kháng cáo ông P yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo là yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H và ông có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền còn thiếu là 400 triệu đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Xét thấy, việc thay đổi một phần nội dung kháng cáo của ông P là không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu được quy định tại Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông P về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H và ông có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền còn thiếu là 400.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Xét thấy:

[4.1] Sau khi kháng cáo, ông P có cung cấp 06 đoạn ghi âm, từ ngày 19/3/2021 đến ngày 19/10/2021 (được đánh máy lại và in ra trên giấy A4, gồm 12 trang). Trong đó, có 05 đoạn ghi âm do ông P trực tiếp điện thoại và ghi âm, còn 01 đoạn ghi âm do ông T điện thoại tự động ghi âm. Bà H thừa nhận các đoạn ghi âm do ông P và ông T thực hiện là giọng nói của bà. Đồng thời, theo ông Nguyễn Văn T là em rể bà H (vợ ông T với bà H là chị em bạn dì ruột) cũng xác định: Đoạn ghi âm thứ 4 ngày 28/6/2021 đúng là giọng nói của ông và của bà H, đoạn ghi âm này do ông điện thoại cho bà H, nhưng máy điện thoại của ông do vợ ông cài chế độ ghi âm cuộc gọi tự động, lúc đó ông cũng không hay, sau này mở ra thì mới biết. Do đó, có đủ cơ sở xác định 06 đoạn ghi âm do ông P cung cấp đều là giọng nói của ông P, ông T và bà H.

[4.2] Đoạn ghi âm thứ nhất, mã số 210319_082415, ngày 19/3/2021, thể hiện các bên vay tiền lãi suất 6.000 đồng, thỏa thuận bớt xuống còn 4.000 đồng nhưng thỏa thuận không thành. Lãi suất từ 5.000 đồng - 6.000 đồng/1.000.000/ngày được những người làm chứng xác định gồm: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Quốc U', ông Bùi Thanh B, ông Bùi Thanh Ô.

[4.3] Đoạn ghi âm thứ hai, mã số 210404_100604, ngày 04/4/2021, nội dung không rõ ràng.

[4.4] Đoạn ghi âm thứ ba, mã số 210518_114246, ngày 18/5/2021, thể hiện ông P thiếu bà H số tiền 5 tỷ đồng và đưa 03 cái nền rồi.

[4.5] Đoạn ghi âm thứ tư, mã số 210628_064407, ngày 28/6/2021, thể hiện ông P thiếu bà H số tiền vốn là 5 tỷ đồng và đưa 03 cái nền là 3 tỷ 600 triệu đồng. Trong đó, bà H có nói 8 tỷ mấy là bao gồm luôn tiền lãi.

[4.6] Đoạn ghi âm thứ năm, mã số 210630_074503, ngày 30/6/2021, thể hiện “Bà H nói em nhận nợ chị 5 tỷ đồng thì em phải tính tiền 5 tỷ đồng vốn và lãi cho chị”.

[4.7] Đoạn ghi âm thứ sáu, mã số 211019_082136, ngày 19/10/2021, thể hiện ông P giao cho bà H 03 cái nền 3 tỷ 600 triệu đồng, nhưng bà H chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Ngọc Y số tiền 2 tỷ 500 triệu đồng.

[4.8] Theo ông Nguyễn Văn T xác định: Ông P nợ bà H số tiền 5 tỷ đồng, là giấy vay tiền sau cùng, số nợ 5 tỷ đồng là bao gồm tiền vốn và tiền lãi của các lần nợ trước, lúc trả tiền bà H nói là để giấy vay tiền ở trong nhà trong ruộng không có đem ra nhà ở Ngã Năm, nên không có trả lại các giấy vay tiền trước và cũng không xé bỏ, vì vậy giấy vay tiền cũ vẫn còn. Sau đó, ông P giao 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc Ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cho bà H để trừ số tiền 3 tỷ 600 triệu đồng. Trước đó, ông P có chuyển nhượng cho ông và bà H 02 thửa đất liền kề ở ấp Phương Thạnh 2, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (quán cơm Thuận Thuận) với giá 3 tỷ 500 triệu đồng, sau này bà H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc Y với giá 4 tỷ 200 triệu đồng vào tháng 10 năm 2021 (Việc này được

ông Nguyễn Ngọc Y xác định tại Biên bản xác minh ngày 09/01/2024); bà H nói làm giấy tờ hết 200 triệu đồng, còn lại 4 tỷ đồng, bà H chia cho ông 50%, hứa đưa ông 1 tỷ đồng và trừ nợ ông P 1 tỷ đồng, ông cũng đồng ý. Do đó, ông P chỉ còn thiếu bà H 400 triệu đồng và tiền lãi. Mặc dù, trước đây bà H có kiện ông T tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nhưng qua hòa giải, đối thoại hai bên đã thỏa thuận xong và bà H đã rút đơn khởi kiện, Tòa án Thông báo trả lại đơn khởi kiện cho bà H vào ngày 14/12/2023, nên hai bên không còn tranh chấp, mâu thuẫn và ông T là em rể của bà H, vì vậy lời khai là hoàn toàn khách quan.

[4.9] Theo ông Nguyễn Quốc U' xác định: Các lần vay nợ trước đó thì ông không rõ, nhưng sau cùng thì ông P chỉ thiếu bà H số tiền là 5 tỷ đồng, ông P giao cho bà H 03 nền đất ở Ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng với số tiền là 3 tỷ 600 triệu đồng, ông P có gửi cho ông đưa 03 giấy chứng nhận cho bà H để làm thủ tục chuyển nhượng sang tên. Giá trên các hợp đồng chuyển nhượng là giá Nhà nước nhằm mục đích đăng ký cấp giấy, không ghi đúng giá thực tế các bên đã thỏa thuận. Ngoài ra, giữa bà H, ông T và ông P còn cần trừ nợ ông P 1 tỷ đồng, lý do gì cần trừ nợ ông không rõ, cuối cùng ông P còn thiếu bà H số tiền 400 triệu đồng. Mặc dù, bà H có tranh chấp với ông U', nhưng lời khai của ông U' xác định có đưa 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1052, 1056 và 1057 cho bà H và bà H đã làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc Y, nên lời khai của ông U' là khách quan, phù hợp với chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4.10] Theo ông Bùi Thanh B xác định: Trước đó, chỗ ông P có chuyển nhượng cho bà H 02 nền đất ở ấp Phương Thạnh 2, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng với giá 3 tỷ 500 triệu đồng (quán cơm Thuận Thuận), hình thức chuyển nhượng là để cân trừ nợ chứ không nhận tiền mặt, đây là xử lý khớp nợ trước. Khớp sau là vào khoảng năm 2020, khoảng 15 giờ - 16 giờ chiều (không nhớ ngày, tháng), ông P có nhờ ông chở bà H lên chợ mới Trà Lồng, thuộc Ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giao 03 nền đất để cân trừ nợ cho bà H số tiền 3 tỷ 600 triệu đồng.

[4.11] Theo Bùi Thanh Ô xác định: Trước đây ông có nhờ ông P đứng tên giùm 02 thửa đất số 05 và số 37, tờ bản đồ số 142, tọa lạc tại khóm Tân Thành A, Phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (02 giấy chứng nhận này do bà H cung cấp), nhưng sau này ông P đã chuyển trả cho ông đứng tên lại quyền sử dụng đất rồi, 02 thửa đất này không có liên quan đến việc ông P cân trừ nợ cho bà H mà ông P giao cho bà H thửa đất khác thuộc quyền sở hữu của ông P, phần đất đó nằm ở dưới chân cầu Mỹ Khánh, xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, có 03 nền đất gần nhau, việc cân trừ nợ bao nhiêu thì ông không rõ.

[4.12] Theo ông Nguyễn Ngọc Y xác định: Vào khoảng tháng 10 năm 2021, ông có nhận chuyển nhượng của bà H 05 thửa đất gồm: Thửa số 30 và 655, cùng tờ bản đồ số 07 (02 thửa liền kề, quán cơm Thuận Thuận), ở ấp Phương Thạnh 2, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, nguồn gốc đất là của ông P làm thủ tục chuyển nhượng cho bà H, phần đất này bà H hùn với ông T chuyển nhượng và sau đó chuyển nhượng lại cho ông với giá 4 tỷ 200 triệu đồng (mỗi người phân nửa). Đối với thửa đất số 1052, 1056 và 1057 là đất nền trong chợ Trà Lồng, thuộc Ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, ông P làm thủ tục chuyển nhượng cho bà H với hình

thức là cần trừ nợ và sau đó bà H chuyển nhượng lại cho ông với giá 2 tỷ 500 triệu đồng. Đối với các hợp đồng chuyển nhượng 03 thửa đất này ghi số tiền chuyển nhượng 350.000.000 đồng/hợp đồng là để nộp thuế đăng ký quyền sử dụng đất; còn 03 hợp đồng khác đối với 03 thửa đất này, 01 hợp đồng ghi số tiền 1 tỷ 500 triệu đồng và 02 hợp đồng còn lại mỗi hợp đồng ghi số tiền 1 tỷ 300 triệu đồng là nhằm mục đích vay tiền Ngân hàng.

[4.13] Qua các đoạn ghi âm nêu trên và qua lời khai của những người làm chứng có đủ cơ sở xác định: Bà H cho ông P vay tiền lãi suất từ 5.000 đồng - 6.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Quá trình vay có vay tiếp để trả tiền lãi cho bà H và làm lại giấy vay tiền mới, nhưng bà H không trả lại giấy vay tiền cũ và cũng không xé bỏ. Khớp trước bao gồm giấy vay tiền ngày 03/12/2020, số tiền 500 triệu đồng và giấy vay tiền ngày 11/12/2020, số tiền 3 tỷ 200 triệu đồng, ông P đã làm thủ tục chuyển nhượng cho bà H 02 thửa đất số 30 và 655, cùng tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Phương Thạnh 2, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (quán cơm Thuận Thuận) để cần trừ số tiền còn thiếu là 3 tỷ 200 triệu đồng. Theo hợp đồng chuyển nhượng thể hiện *“Phương thức thanh toán: Tiền mặt. Việc thanh toán số tiền nêu trên do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật”*. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm bà H cho rằng trả tiền chuyển nhượng đất cho ông P bằng tiền mặt, nhưng bà xác định việc giao trả tiền không có làm biên nhận và cũng không có người chứng kiến, nên bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có trả tiền mặt cho ông P. Chính vì vậy, ông P và những người làm chứng cho rằng chuyển nhượng 02 thửa đất nêu trên nhằm mục đích cần trừ nợ là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận. Do đó, khớp nợ này giữa ông P và bà H đã chấm dứt. Sau đó, ông P vay tiếp số tiền 2 tỷ 500 triệu đồng, có làm lại giấy vay tiền ngày 06/02/2021, không có khả năng đóng lãi ông P có vay tiếp để trả tiền lãi cho bà H và làm lại giấy vay tiền mới ngày 09/3/2021, số tiền 5 tỷ đồng, nhưng bà H cũng không trả lại giấy vay tiền cũ và cũng không xé bỏ. Do đó, giấy vay nợ cuối cùng ngày 09/3/2021 với số tiền 5 tỷ đồng là bao gồm tiền vốn vay và tiền lãi của các lần vay trước cộng lại, nên các giấy vay tiền ngày 03/12/2020, số tiền 500 triệu đồng, giấy vay tiền ngày 11/12/2020, số tiền 3 tỷ 200 triệu đồng và giấy vay tiền ngày 06/02/2021, số tiền 2 tỷ 500 triệu đồng không còn giá trị làm chứng cứ chứng minh, nhưng bà H dựa vào các giấy vay tiền này để kiện ông P yêu cầu trả tiền là không có căn cứ chấp nhận.

[4.14] Do lãi suất quá cao, nên ông P đã chuyển nhượng cho bà H 03 thửa đất nền gồm thửa đất số 1052, 1056 và 1057, cùng tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, nhằm mục đích cần trừ nợ số tiền 3 tỷ 600 triệu đồng. Theo hợp đồng chuyển nhượng thể hiện *“Phương thức thanh toán: Tiền mặt. Việc thanh toán số tiền nêu trên do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật”*. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm bà H cho rằng trả tiền chuyển nhượng đất cho ông P bằng tiền mặt, nhưng bà xác định việc giao trả tiền không có làm biên nhận và cũng không có người chứng kiến, nên bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có trả tiền mặt cho ông P. Chính vì vậy, ông P và những người làm chứng cho rằng chuyển nhượng 03 thửa đất nêu trên nhằm mục đích cần trừ nợ là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận. Sau đó, phần đất ông T hùn chuyển nhượng với bà H, bà H chuyển nhượng lại cho ông Y vào ngày 15/10/2021 với giá 4 tỷ 200 triệu đồng, chi phí 200 triệu đồng, mỗi người phân nửa, bà H khấu trừ nợ ông P 1 tỷ đồng

và hứa trả ông T 1 tỷ đồng, việc này các bên đều đồng ý và được những người làm chứng xác định. Như vậy, ông P chỉ còn thiếu bà H số tiền 400 triệu đồng.

[5] Về lãi suất: Do các bên thỏa thuận vay tiền với lãi suất 5.000 đồng - 6.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày là vượt quá 20%/năm, được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên cần áp dụng mức lãi suất 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng, cụ thể như sau:

[5.1] Số tiền 5 tỷ đồng, vay ngày 09/3/2021, cần trừ số tiền 3 tỷ 600 triệu đồng vào ngày 10/3/2021, còn lại số tiền 1 tỷ 400 triệu đồng, đến ngày 15/10/2021 cần trừ tiếp số tiền 1 tỷ đồng.

[5.2] Tính từ ngày 10/3/2021 đến ngày 15/10/2021 là 07 tháng 05 ngày x 1 tỷ 400 triệu x 1,66%/tháng = 166.553.333 đồng. Tính từ ngày 16/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 11/8/2023 là 21 tháng 26 ngày x 400 triệu đồng x 1,66%/tháng = 145.194.666 đồng. Tổng cộng tiền là 311.747.999 đồng (làm tròn 311.748.000 đồng).

[6] Từ những nhận định tại mục [4] và [5] nêu trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu kháng cáo (sau khi thay đổi) của bị đơn ông P là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận. HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 16.120.374.000 đồng (tiền vốn là 10.800.000.000 đồng và tiền lãi là 5.320.374.000 đồng) và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền còn lại, buộc ông P trả cho bà H số tiền 711.748.000 đồng (tiền vốn 400.000.000 đồng và tiền lãi 311.748.000 đồng).

[7] Đến giai đoạn phúc thẩm, ông P mới cung cấp các đoạn băng ghi âm và yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ bổ sung, nên việc sửa án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông P (sau khi thay đổi) và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông P có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền còn thiếu là 400 triệu đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm, nên án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể như sau: Do yêu cầu khởi kiện của bà H không được chấp nhận một phần đối với số tiền 16.120.374.000 đồng (tiền vốn là 10.800.000.000 đồng và tiền lãi là 5.320.374.000 đồng), nên bà H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 124.120.374 đồng (112.000.000 + 0,1% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 4.000.000.000 đồng). Ông P có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 711.748.000 đồng (tiền vốn 400.000.000 đồng và tiền lãi 311.748.000 đồng), nên phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 32.469.920 đồng (20.000.000 + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng), theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm bị sửa, nên ông P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông P và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H và buộc ông P có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lương Hoàng P (sau khi thay đổi).

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

2.1. *Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu ông Lương Hoàng P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền vốn vay là 10.800.000.000 đồng và tiền lãi là 5.320.374.000 đồng; tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 16.120.374.000 đồng (Mười sáu tỷ một trăm hai mươi triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).*

2.2. *Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H. Buộc ông Lương Hoàng P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 311.748.000 đồng; tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 711.748.000 đồng (Bảy trăm mười một triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng).*

2.3. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

2.4. *Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 124.120.374 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu một trăm hai mươi nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng); nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 60.414.000 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0002718 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm; như vậy, bà Nguyễn Thị Thu H còn phải nộp thêm số tiền 63.710.374 đồng (Sáu mươi ba triệu bảy trăm mười nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng). Ông Lương Hoàng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 32.469.920 đồng (Ba mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm hai mươi đồng).*

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lương Hoàng P không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Lương Hoàng P số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009339 ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn